

Bản án số: 821/2022/DS-PT

Ngày: 23/12/2022

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 15, 22 và 23/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 501/2022/TLPT-DS ngày 26/10/2022, về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn:

1/ **Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Ngô Văn Th**, sinh năm 1920 (chết ngày 11/10/2013); Địa chỉ: Số 2/3 đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

1.1/ Ông Ngô Bửu Đ1; Địa chỉ: Ấp TT, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

1.2/ Bà Ngô Thị Bửu Th1; Địa chỉ: 2/3A MT, quận N, thành phố Cần Thơ.

1.3/ Ông Ngô Bửu T; Địa chỉ: Số 118B đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M; Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

1.4/ Ông Ngô Bửu Q; Địa chỉ: 410A TQD, tp.Cần Thơ.

1.5/ Ông Ngô Hữu Th2; Địa chỉ: 4 MT, quận N, tp.Cần Thơ.

1.6/ Ngô Thị Thanh T1(chết) có 01 con là Thái Ngô Thành A; Địa chỉ: 218/30 THĐ, quận N, thành phố Cần Thơ.

1.7/ Ông Ngô Bửu C1; Địa chỉ: 2/59A LL, quận N, tp.Cần Thơ.

1.8/ Ông Ngô Bửu Th3; Địa chỉ: 24 MT, quận N, tp.Cần Thơ

1.9/ Ông Ngô Bửu T2; Địa chỉ: 12/34 đường 3/2, quận N, Cần Thơ.

1.10/ Bà Ngô Thị Kim H; Địa chỉ: 2 MT, quận N, tp. Cần Thơ.

1.11/ Ông Ngô Bửu Th4; Địa chỉ: 2 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1925 (chết năm 2010):

2.1/ Bà Lê Thị Thúy Ph; Địa chỉ: 38/11A MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2.2/ Ông Lê Hoàng Tuấn A1; Địa chỉ: Phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

2.3/ Ông Lê Hoàng Vũ M1; Địa chỉ: 28 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Văn D, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số 38/11A đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Văn M, Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bị đơn: **Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Ngô Văn C**, sinh năm 1931 (chết ngày 11/5/2015); Địa chỉ: Số 2/21 đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

1/ Bà Trần Thị Cẩm V (vợ ông C) (chết theo lời khai của con bà V); Địa chỉ: 182/95 đường THĐ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông Ngô Sĩ H1, sinh năm 1955 (chết ngày 12/8/2009) có hai vợ tên M2, N và 02 con tên Ngô Sỹ Ph1, Ngô Quan T3; Địa chỉ: 24/26A VTS, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Ngô Anh T4 (định cư ở Úc).

4/ Ông Ngô Phát Đ2; Địa chỉ: 2/21 MT, khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

5/ Ông Ngô Phú Q1; Địa chỉ: 182/95 đường THĐ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

6/ Bà Ngô Thị Cẩm L; Địa chỉ: 81 QT, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

7/ Ông Ngô Thị Cẩm Nh (định cư ở Úc)

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Văn Th5, sinh năm 1927 (chết 02/02/2018) có vợ là Nguyễn Thị

M7 , không xác định được con cái; Địa chỉ: 13750 LW, CA 92683, USA (Mỹ).

2/ Bà Nguyễn Thị Việt H2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 2/21 đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Trần Bình M3, sinh năm 1955; Địa chỉ: 238 THĐ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ hiện tại: 36A LTT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Có văn bản xin vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1958; Địa chỉ: Phòng 306 Nhà Chung cư B4, khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Có văn bản xin vắng mặt).

5/ Bà Nguyễn Thị Hồng H3, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 44J đường HH, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Có văn bản xin vắng mặt).

6/ Bà Diệp Ng, sinh năm 1955 (chết ngày 02/02/2017) có con là Nguyễn Diệp Th10 đại diện; Địa chỉ: Số 232/4A đường 30/4, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Có văn bản xin vắng mặt).

7/ Bà Phan Thị Ngọc V1, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số 118A TP, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ hiện tại: 52/4B HV, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

8/ Ông Lê Phú C2, sinh năm 1965 (có mặt)

9/ Bà Phan Thị Tuyết M4

Cùng địa chỉ: Số 2/21 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Ông C2 có mặt)

10/ Ông Võ Văn Q2, sinh năm 1955 (Có văn bản xin vắng mặt);

11/ Bà Huỳnh Thị M5, sinh năm 1962 (Có văn bản xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 188/8 khu 4, thị trấn Tr, tỉnh Vĩnh Long.

13/ Ông Châu Ngọc H4, sinh năm 1958.

14/ Bà Trịnh Thị M6

Cùng địa chỉ: Số 156H đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

15/ Ông Lâm Phước K, sinh năm 1951 (chết, có vợ là bà Lê Thị N1 và 02 con là Lâm Phước T5 và Lâm Ngọc Th6 theo lời khai của bà N1). Ông Lâm Phước T5; Địa chỉ: Số 2/21A đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

16/ Bà Trịnh Kim H5, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 94 CMT8, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

17/ Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trịnh Ng1, sinh năm 1967 (chết ngày 24/10/2012); Địa chỉ: Số 2/21B đường MT, phường A, quận N,

thành phố Cần Thơ. Bà Đỗ Thị Lệ Q3, bà Trịnh Ái H6; Cùng địa chỉ: 103/122/4 đường VVL, khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

18/ Ông Huỳnh Vĩnh Ph2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 2/21K đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

19/ Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 2/21I đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

20/ Ông Trần Văn Đ3, sinh năm 1955; Địa chỉ: 2/47/45A MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

21/ Ông Đặng Hoàng Ph3, sinh năm 1955; Địa chỉ: 2/21F MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

22/ Công ty TNHH Cấp nước C. (Nay là Công ty cổ phần cấp thoát nước C); Địa chỉ: Số 2A NT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị G; Địa chỉ: Số 58C HV, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

23/ Ông Nguyễn Văn Đ4; Địa chỉ: 125C, đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

24/ Ông Lê Xuân T6; Địa chỉ: 2/21E, khu vực 5, đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

25/ Ông Nguyễn Việt D1; Địa chỉ: 2/21F, khu vực 5, đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

26/ Ông Huỳnh Thanh L1; Địa chỉ: 2/21A, khu vực 5, đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

27/ Ông Lê Văn E; Địa chỉ: 2/21D, khu vực 5, đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

28/ Ông Nguyễn Văn E1; Địa chỉ: số 70 đường HTK, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

29/ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị S (chết năm 1990) có chồng là Phan Văn Nh1 (chết 10/01/1991) và 06 người con là:

29.1/ Nguyễn Duy Th7; Địa chỉ: Khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

29.2/ Nguyễn Thị Hồng Ng2; Địa chỉ: 202/8 khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

29.3/ Nguyễn Duy Th8; Địa chỉ: Tổ 7, khu vực B, phường L, quận B, thành

phố Cần Thơ.

29.4/ Nguyễn Thị Hồng Ng3; Địa chỉ: 33/2 phường BHN, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Ông Th7, bà Ng2, bà Ng3 ủy quyền cho ông Nguyễn Duy Th8).

29.5/ Bà Nguyễn Thị H7; Địa chỉ: Ấp TM, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

29.6/ Phan Ngọc T6; Địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

29.7/ Phan Thị Thu H8; Địa chỉ: Tổ 14, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

29.8/ Phan Đức T7; Địa chỉ: Ấp TM, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

29.9/ Phan Thanh T8; Địa chỉ: Ấp TM, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Các ông, bà H7, T6, T7, T8 ủy quyền cho bà Phan Thị Thu H8).

29.10/ Phan Thị Tr1

29.11/ Phan Thị Mỹ L2

Địa chỉ: 24 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

(Bà Tr1 ủy quyền cho bà L2)

29.12/ Ông Phan Thành N2, sinh năm 1990; Địa chỉ: 24 đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn M, Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

30/ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Ngô Văn B (Chết 1946)

30.1/ Ngô Thanh T9; Địa chỉ: Ấp I, xã Th, huyện C, thành phố Cần Thơ.

30.2/ Ông Ngô Thanh T10; Địa chỉ: Ấp TB, xã X, huyện Th, thành phố Cần Thơ.

30.3/ Ông Ngô Thanh H9; Địa chỉ: Ấp I, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ.

30.4/ Ông Ngô Thanh L3; Địa chỉ: Ấp I, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ.

30.5/ Bà Ngô Thị Thanh Th9; Địa chỉ: Ấp QL, xã Th, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Các ông T9, T10, H9, L3 ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Ngô Thị Thanh Th9).

30.6/ Ông Ngô Ngọc Châu B1, sinh năm 1937; Địa chỉ: Số 116R đường MT,

phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

30.7/ Bà Ngô Thị Bạch T11; Địa chỉ: Số 36/11 VTS, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

30.8/ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Bửu Ch (Chết ngày 23/9/1997, có vợ Lê Thị Kim X (chết 08/02/2007) và 03 con là Ngô Bửu Ng4, Ngô Bửu Ng5, Ngô Thị Kim Ng6).

30.8.1/ Ông Ngô Bửu Ng4, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 28 đường MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn M, Địa chỉ: Ấp BD, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

30.8.2/ Ngô Bửu Ng5; Địa chỉ: 28 MT, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

30.8.3/ Ngô Thị Kim Ng6; Địa chỉ: 28 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Ông Ng5, bà Ng6 ủy quyền cho ông Ng4 tham gia tố tụng).

Người kháng cáo: Ông Danh Lý Kh, ông Ngô Phát Đ2, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10, ông Trần Bình M3, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp 11.355m² (hiện do bị đơn quản lý) là của ông Ngô Văn Kh1 và bà Dương Thị H10 chết để lại. Sinh thời, ông Kh1 và bà H10 chung sống có 09 người con (không Có con nuôi, hay con riêng), lần lượt là:

1/ Ông Ngô Văn B (chết năm 1946) có 04 người con:

Ngô Hữu Thanh T12 (chết năm 2018) có vợ là Nguyễn Thị Th11 (chết năm 2014) và 05 người con là: Ngô Thanh T9, Ngô Thanh T10, Ngô Thanh H9, Ngô Thanh L3, Ngô Thị Thanh Th9.

Ngô Ngọc Châu B1

Ngô Thị Bạch T11

Ngô Bửu Ch (chết năm 1997) có vợ là Lê Thị Kim X (chết năm 2007) và 03 con là: Ngô Bửu Ng4, Ngô Bửu Ng5, Ngô Thị Kim Ng6.

2/ Bà Ngô Thị S (chết năm 1990) có chồng là Phan Văn Nh1 (chết năm 1991) và 06 người con gồm:

Phan Thị Th12 (chết năm 2013) có chồng là Nguyễn Ngọc Th13 (chết năm 2020) và 03 người con là: Nguyễn Duy Th7, Nguyễn Thị Hồng Ng2, Nguyễn Duy Th8, Nguyễn Thị Hồng Ng3.

Phan Văn T13 (chết năm 2018) có vợ là Nguyễn Thị H7 và 04 người con là: Phan Ngọc T6, Phan Thị Thu H8, Phan Đức T7, Phan Thanh T8.

Phan Thị Tr1

Phan Thị Mỹ L2.

Phan Văn A2.

Phan Văn Ng7 (chết) có vợ là Lê Thị Ng8 và con là Phan Thành N2.

3/ Ngô Văn B2 chết lúc nhỏ.

4/ Ngô Văn G1 chết lúc nhỏ.

5. Ông Ngô Văn Th (chết năm 2013) có vợ là Lê Thị Tr1 (chết) và 12 người con là: Ngô Bửu Đ1, Ngô Thị Bửu Th1, Ngô Bửu T, Ngô Bửu Q, Ngô Hữu Th2, Ngô Thị Thanh L4 (chết lúc nhỏ), Ngô Thị Thanh T1 (chết) có con là Thái Ngô Thành A, Ngô Bửu C1, Ngô Bửu Th3, Ngô Bửu T2, Ngô Thị Kim H, Ngô Bửu Th4.

6/ Bà Ngô Thị Nh2 chết năm 1949, không Có chồng con.

7/ Bà Ngô Thị Đ (chết năm 2010) có chồng là Lê Văn K1 (chết năm 1966) và 03 người con là: Lê Thị Thúy Ph, Lê Hoàng Tuấn A1, Lê Hoàng Vũ M1.

8/ Ông Ngô Văn Th5 (chết tại Hoa Kỳ) có vợ là Lê Thị M7, không xác định được con cái.

9/ Ông Ngô Văn C (chết năm 2015) có vợ là Trần Thị Cẩm V và 06 người con là: Ngô Sỹ H1 (chết) có hai vợ tên là M2, N và 02 con là: Ngô Sỹ Ph1 và Ngô Quan T3; Ngô Anh T4 định cư ở Úc; Ngô Phát Đ2; Ngô Phú Q1; Ngô Thị Cẩm L; Ngô Thị Cẩm Nh định cư ở Úc).

Ông Kh1 chết năm 1947, bà H10 chết năm 1935. Ông Kh1, bà H10 chết không để lại di chúc, năm 1972 anh em có thống nhất giao phần đất trên cho Ông C ở để giữ gìn đất đai của cha mẹ và chăm sóc mồ mả; nhưng phía bị đơn không làm tròn trách nhiệm, dở nhà bán tài sản chung, đốn cây lâu năm, để cỏ mọc um tùm và không Chăm sóc mồ mả của dòng họ. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia

thừa kế theo pháp luật, nhận hiện vật là đất (trong đó: dành 200m² đất mô mã làm nơi thờ cúng).

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp là của ông Ngô Văn Kh1, Dương Thị H10 để lại. Nhưng khi ông Kh1, bà H10 chết, anh em trong gia tộc đã thống nhất giao cho bị đơn từ năm 1972 (trước đó, anh em mỗi người có luân phiên ở 10 năm /01 người; đến khi bị đơn quản lý thì cây trồng đã cần cỗi).

Đến ngày 14/2/1994 bị đơn đã được Chi cục quản lý đất đai tỉnh Cần Thơ cấp Giấy xác nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên. Còn căn nhà là của bị đơn xây dựng chứ không phải là nhà chung. Vì vậy với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần thừa nhất) số 13/DSST ngày 25/4/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ đã tuyên:

Bác yêu cầu của ông Ngô Văn Th, bà Ngô Thị Đ, ông Phan Văn Ng7, và ông Ngô Bửu Ch kiện đòi chia thừa kế đất và căn nhà hiện nay ông Ngô Văn C đang ở và canh tác, sử dụng.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 08/5/1995 đồng nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xét xử lại.

Tại bản phúc thẩm (lần thứ nhất) số: 271/DSST ngày 29/12/1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 13/DSST ngày 25/4/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ đã xét xử về việc kiện thừa kế giữa nguyên đơn ông Ngô Văn Th, bà Ngô Thị Đ, ông Ngô Bửu Ch và ông Phan Văn Ng7 với bị đơn Ngô Văn C.

2/ Giao toàn bộ hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, giải quyết lại với thành phần Hội đồng xét xử khác.

Sau khi thụ lý lại Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/QĐ/TĐC ngày 07/01/1997 do phần đất tranh chấp chưa có quyền sử dụng chính thức.

Do có kháng cáo, tại quyết định số 143/DSPT ngày 01/7/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã bác kháng cáo của ông Th, bà Đ, giữ nguyên quyết định tạm đình chỉ số 01/QĐ/TĐC ngày 07/01/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ.

Theo đơn yêu cầu của phía nguyên đơn, ngày 01/10/2004 Tòa án thụ lý lại. Đến ngày 21/3/2005 ban hành quyết định tạm đình chỉ số 12/QĐTĐC với lý do trong vụ án có ông Ngô Văn Th14 là người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Sau khi có Nghị quyết số 1037/2006/NQ.UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 có người Việt Nam định cư ở nước ngoài, phía nguyên đơn tiếp tục yêu cầu giải quyết.

Ngày 30/8/2007, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành quyết định chuyển vụ án số 23/2007/QĐ.CVA chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý giải quyết vì cho rằng ông Ngô Văn Th5 đã khước từ hưởng di sản nên không thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của cấp tỉnh.

Ngày 07/5/2008 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có công văn số 165/2008/CV.TA chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ vì cho rằng theo Điều 412 Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp trên vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Sau đó, Tòa án nhân dân thành phố thụ lý lại vụ án và tiến hành theo trình tự thủ tục luật định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần thứ hai) số 01/2009/DSST ngày 02/01/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế của ông Ngô Văn Th, bà Ngô Thị Đ; các thừa kế thế vị của ông Ngô Văn B và Ngô Thị S.

Công nhận di sản để lại của ông Ngô Văn Kh1 và bà Dương Thị H10 là quyền sử dụng đất 11.355m² đất vườn và thổ cư: Thửa 27A (thửa cũ: 554-555), tờ bản đồ số 44. Đất Tọa lạc tại số 2/21 đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ hiện do gia đình ông Ngô Văn C quản lý.

Dành 200m² đất mồ mả thân tộc để thực hiện việc thờ cúng. Số còn lại 11.155m² chia làm 05 phần, mỗi phần tương ứng 2.231m² cho các thừa kế hàng thứ nhất của Ông Kh1, bà H10: Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ, Ngô Văn C, 05 con của ông Ngô Văn B (chết) và 04 con của bà Ngô Thị S (chết).

Bà Đ do ông Tô Văn D đại diện nhận.

Ông Th do Ngô Bửu T đại diện nhận.

Các thừa kế của bà S do Phan Thị Th12 và Phan Thành N2 đại diện nhận.

Các thừa kế của ông B do ông Ngô Bửu Ng4 đại diện nhận.

Ông C do bà Trần Thị Cẩm V đại diện nhận.

Đất được phân chia như sau:

1/ Ông Ngô Văn C hưởng: Phần đất 2.231m² (quy hoạch trạm bơm nước thải) 1.391,4m²; phần đất đã được chuyển nhượng cho: Lê Phú C2 70m², Phan Thị Tuyết M4 80m², Huỳnh Thị M5 240m², Đặng Hoàng Ph3 90m², Châu Ngọc H4 204m², Trịnh Kim H5 255m², Lâm Phước K 70m², Trần Văn Đ3 80m². Cộng chung là 2.487,4m² (dư so với phần được hưởng 256,4m² đất vườn). Phần đất được hưởng của Ông C 391m² đất thổ cư. Phần còn lại là đất vườn.

2/ Ông Ngô Văn Th hưởng 2.231m² đất vườn.

3/ Bà Ngô Thị Đ hưởng 2.231m² đất vườn.

4/ Các thừa kế của bà Ngô Thị S hưởng 2.231m².

5/ Các thừa kế của ông Ngô Văn B hưởng 2.231m² đất vườn.

Vị trí đất:

Từ chính diện nhìn thẳng vào: Trạm bơm nước thải; dãy nhà, đất bên phải giáp ranh với Trạm bơm (nhà đất của H4, H5 và K); dãy nhà đất bên trái nằm trên phần đất dự mở đường Phạm Ngũ Lão (nhà, đất của C2, Tuyết M4, M5, Ph3, Đ3) là phần được hưởng của ông C.

Toàn bộ phần đất còn lại là thửa 27A (mới) trừ khu đất có mồ mả thân tộc (200m²) là phần được hưởng của ông Th, bà Đ, các thừa kế của bà S và ông B. Phần đất tương ứng 8.924m² đất vườn.

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế (đại diện nguyên đơn và bị đơn) ổn định việc sử dụng đất của các đương sự Lê Phú C2, Phan Thị Tuyết M4, Huỳnh Thị M5, Đặng Hoàng Ph3, Châu Ngọc H4, Trịnh Kim H5, Lâm Phước K, Trần Văn Đ3. Các đương sự liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của nhà nước.

Buộc ông Ngô Văn C, bà Trần Thị Cẩm V; Chị Nguyễn Thị Việt H2, ông Ngô Phát Đ2 thanh toán phần chuyển nhượng 256,4m² (phần dư ra so với phần được hưởng) là 94.705.000 đồng cho ông Th; các thừa kế của bà S, ông B.

Buộc ông C, bà V, bà H2, ông Đ2; các đương sự Diệp Ng, Nguyễn Minh Tr, Trần Bình M3, Nguyễn Thị Hồng H3 và Phan Thị Ngọc V1 giao đất được hưởng cho bà Đ, ông Th, các thừa kế của bà S, ông B như đã ghi ra bên trên.

Ghi nhận thỏa thuận của các đại diện thừa kế - ông Th, bà Đ, các thừa kế của bà S, ông B giao khu đất mồ mả thân tộc 200m² (10m x 20m) cho thừa kế thế vị Ngô Ngọc Châu B1 (con ông B – đồng nguyên đơn) quản lý, thờ cúng.

Hủy bỏ “giấy giao quyền sử dụng đất cho con” lập ngày 13/02/2000 của ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Cẩm V.

Kiến nghị ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ giấy xác nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn C, và các đương sự Nguyễn Minh Tr, Trần Bình M3, Nguyễn Thị Hồng H3, Lưu Thanh L5, Phan Thị Ngọc V1, Diệp Nguyễn Ngọc H12 để cấp lại cho các thừa kế theo quyết định của bản sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần đất của thừa kế nào bị quy hoạch theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền thì họ được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của nhà nước.

Các hộ Nguyễn Văn Đ4, Huỳnh Thanh L1, Lê Văn E, Lê Xuân T6, Nguyễn Việt D1, Nguyễn Văn E1 nếu có tranh chấp với gia đình ông Ngô Văn C (bên chuyển nhượng đất) sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục chung.

Khi giao đất: Phần cây trồng trên đất được hưởng của thừa kế nào thì họ được hưởng.

Buộc ông C, bà V, bà H2, ông Đ2 tháo dỡ toàn bộ các dãy nhà trọ; vật kiến trúc khác để giao đất cho các thừa kế.

Bác yêu cầu ổn định việc sử dụng đất của các đương sự Tr, Diệp Ng, M3, H3 và Ngọc V1.

Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Văn C - Bà Trần Thị Cẩm V với các đương sự Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Trần Bình M3, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1, do vô hiệu (BL 425, 444, 437, 431, 459).

Buộc ông C, bà V, thanh toán cho ông Nguyễn Minh Tr 575.588.520đồng; bà Diệp Ng 329.599.988đồng; bà Phan Thị Ngọc V1 570.763.537đồng. Cộng chung là 2.395.062.500đồng.

Phần đất sử dụng đi lại thuộc quyền sử dụng của các thừa kế Th, Đ; các thừa kế của ông B và bà S. Các hộ lân cận, liền kề sử dụng đất tạm thời khi có yêu cầu của các thừa kế thì đương sự phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì giải quyết theo pháp luật tại thời điểm giải quyết.

Chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản 02 lần là 8.000.000 đồng các nguyên đơn chịu (đương sự đã thực hiện xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Do có kháng cáo của đương sự.

Tại bản dân sự phúc thẩm số 107/2009/DSPT ngày 10/4/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý, giải quyết lại từ giai đoạn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý lại, các đương sự yêu cầu như sau:

Phía nguyên đơn yêu cầu: Giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Ngô Văn Kh1 và bà Dương Thị H10 để lại là 11.355m² đất vườn và thổ cư mà gia đình bị đơn đang quản lý sử dụng; yêu cầu nhận hiện vật là đất. Phần đất được chia, các nguyên đơn sẽ tự thỏa thuận về vị trí của từng thừa kế.

Đối với phần đất được chia, đồng ý ỏn định cho các ông bà sau vì họ đã cất nhà: ông Lê Phú C2: 70m², bà Phan Thị Tuyết M4: 80m², ông Đặng Hoàng Ph3: 90m², ông Châu Ngọc H4: 204m², bà Trịnh Kim H5: 255m² (đã chuyển nhượng lại cho Trịnh Ng1, Huỳnh Vĩnh Ph2, Nguyễn Thị H6), ông Lâm Phước K 77m². Không đồng ý và yêu cầu hủy bỏ việc chuyển nhượng của bị đơn và ông Đ2, bà H2 các ông bà: Trần Bình M3, Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Phan Thị Ngọc V1, Nguyễn Thị Hồng H3, Huỳnh Thị M5 (vợ ông Q2), Trần Văn Đ3 vì họ chưa cất nhà trên đất.

Phía bị đơn yêu cầu: Sau khi thụ lý lại, khi được Tòa án mời tham gia đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp vào ngày 02/6/2010 và hòa giải vào các ngày 07/01/2011, 24/01/2021, 10/02/2011 dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Th2 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt không Có lý do nên tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Việt H2 và ông Ngô Phát Đ2 trình bày tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2011: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông bà không thống nhất việc xin chia thừa kế đối với phần đất mà ông Ngô Văn C là cha ông Đ2 đang quản lý sử dụng, vì Ông C đã được cấp giấy hợp pháp.

Đối với phần đất ông bà đã chuyển nhượng cho ông Lê Phú C2: 70m², bà Phan Thị Tuyết M4: 80m², ông Đặng Hoàng Ph3: 90m², ông Châu Ngọc H4:

204m², bà Trịnh Kim H5: 255m² (đã chuyển nhượng lại cho Trịnh Ng1, Huỳnh Vĩnh Ph2, Nguyễn Thị H6), ông Lâm Phước K 77m² và ông Trần Văn Đ3 80m². Kể cả các diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Trần Bình M3, ông Nguyễn Minh Tr, bà Diệp Ng, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1 thì đề nghị ổn định cho họ, nhưng trường hợp nào có tranh chấp với ông bà xin tách ra thành vụ án khác.

Đối với phần đất đã được chuyển nhượng cho các ông Nguyễn Văn Đ4, Huỳnh Thanh L1, Lê Văn E, Lê Xuân T6, Nguyễn Việt D1, Nguyễn Văn E1 thì tất cả các phần đất chuyển nhượng cho các hộ này đều nằm trong khu quy hoạch trạm bơm nước thải Rạch Ngỗng. Theo quyết định 2076/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã cho ông được nhận tiền bồi hoàn về đất của 06 người nêu trên, nếu ông với họ không thỏa thuận được thì tách ra thì xin tách ra giải quyết trong vụ án khác.

Ông Nguyễn Xuân M8 đại diện cho các ông, bà Trần Bình M3, ông Nguyễn Minh Tr, bà Diệp Ng, bà Nguyễn Thị Hồng H3 trình bày: Các ông, bà nhận chuyển nhượng đất của ông Ngô Văn C, bà Trần Thị Cẩm V từ năm 1994, đã được Chi cục quản lý đất đai Cần Thơ cấp giấy xác nhận. Vì vậy yêu cầu được ổn định phần đất đã chuyển nhượng (ông M3 1.253m², ông Tr 1.255m², bà Ng 860,5m², bà V 1.251m² và bà H3 630m²). Ngoài ra còn yêu cầu ông Đ2 trả lại cho bà Ng tiền bồi thường tại trạm bơm Rạch Ngỗng.

Bà Phan Thị Ngọc V1 trình bày: Yêu cầu được ổn định phần đất có diện tích 1.251m² đất mà bà đã nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn C.

Ông Lê Phú C2, bà Phan Thị Tuyết M4, bà Huỳnh Thị M5, ông Châu Ngọc H4, ông Lâm Phước K, bà Trịnh Kim H5 (chuyển nhượng lại cho ông Trịnh Ng1, Huỳnh Vĩnh Ph2 và Nguyễn Thị H6), ông Trần Văn Đ3 và ông Đặng Hoàng Ph3 cùng thống nhất trình bày: Các ông, bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 từ những năm 1999, 2001 lần lượt như sau:

Ông Lê Phú C2: 70m², đã cất nhà.

Bà Phan Thị Tuyết M4: 80m², đã cất nhà.

Huỳnh Thị M5: 240m², chưa cất nhà.

Đặng Hoàng Ph3: 90m², đã cất nhà.

Ông Châu Ngọc H4 và vợ là Trịnh Thị M6, đã cất nhà.

Bà Trịnh Kim H5: 225m² (đã chuyển nhượng lại cho Trịnh Ng1, Huỳnh Vĩnh Ph2, Nguyễn Thị H6), đều đã cất nhà.

Nay các ông bà yêu cầu được ổn định các phần đất đã ổn định nêu trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2011 và 24/01/2011 các ông bà Lê Phú C2, Phan Thị Tuyết M4, Trịnh Thị M6 (đại diện ông Châu Ngọc H4, Trịnh Ng1, Nguyễn Thị H6, Lê Thị Thúy Ph (đại diện ông Huỳnh Vĩnh Ph2 đề nghị được xét xử vắng mặt).

Tại đơn đề ngày 06/01/2011 ông Trần Văn Đ3 yêu cầu được ổn định phần đất đã chuyển nhượng của ông Đ2 hoặc được hoàn toàn trả tiền theo giá thị trường và xin được xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề ngày 8/3/2011 ông Đặng Hoàng Ph3 yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Ông Huỳnh Thanh L1, ông Lê Văn E, ông Lê Xuân T6, ông Nguyễn Việt D1, ông Nguyễn Văn E1 trong các bản tự khai nêu có chuyển nhượng đất của ông Đ2, bà H2 nay nằm trong quy hoạch Trạm bơm Rạch Ngõng, nhưng UBND thành phố Cần Thơ lại bồi thường cho ông Đ2 nên không đồng ý. Đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn Đ4 yêu cầu được nhận lại tiền bồi hoàn về đất tương ứng với diện tích đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông Ngô Phát Đ2.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/4/2011:

Đại diện cho ông Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ, đại diện các thừa kế của ông Ngô Văn B, Ngô Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu như các lần hòa giải trước đây.

Đại diện bị đơn có ông Nguyễn Trường Th15 trình bày: Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn do không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên tại phiên tòa cũng không trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử liên quan đến việc bị đơn đã chuyển nhượng đất cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Việt H2; ông Nguyễn Xuân M8 đại diện cho ông Trần Bình M3, Nguyễn Minh Tr, bà Diệp Ng, bà Nguyễn Thị Hồng H3; bà Phan Thị Ngọc V1; ông Nguyễn Văn Đ4 vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2011/DSST ngày 14/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế của ông Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ, các thừa kế của ông Ngô Văn B và bà Ngô Thị S.

1/ Công nhận di sản để lại của ông Ngô Văn Kh1 và bà Dương Thị H10 là quyền sử dụng đất 7.040m² đất vườn thuộc thửa 27A (Thửa cũ: 554-555), tờ bản đồ

số 44 Đất Tọa lạc tại số 2/21, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ do gia đình ông Ngô Văn C, Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 quản lý.

Chia diện tích 7.040m² là 05 phần, mỗi phần tương ứng 1.408m² cho các hàng thừa kế thứ nhất của Ông Kh1, bà H10 gồm: ông Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ, ông Ngô Văn C, 05 con của ông Ngô Văn B (chết) và 04 con của bà Ngô Thị S (chết).

Ngô Thị Đ do ông Tô Văn D đại diện nhận.

Ngô Văn Th do ông Ngô Bửu T đại diện nhận.

Các thừa kế của bà Ngô Thị S do Phan Thị Th12 và ông Phan Thành N2 đại diện nhận.

Các thừa kế của ông Ngô Văn B do ông Ngô Bửu Ng4 nhận.

Đất được phân chia như sau:

Phần ông Ngô Văn C và gia đình đã nhận tiền bồi hoàn và chuyển nhượng bao gồm: Phần đất quy hoạch trạm bơm nước thải 1.391,4m²; phần đất đã chuyển nhượng cho Lê Phú C2 70m²; Phan Thị Tuyết M4 80m²; Đặng Hoàng Ph3 90m², Châu Ngọc H4 204m²; Trịnh Kim H5 255m², Lâm Phước K 70m². Cộng chung là 2.167,4m² đất vườn, thừa so với kỹ phần được chia 759,4m² đất vườn.

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế (đại diện nguyên đơn) ổn định việc sử dụng đất của các đương sự Lê Phú C2, Phan Thị Tuyết M4, Đặng Hoàng Ph3, Châu Ngọc H4, Trịnh Kim H5, Lâm Phước K. Các đương sự được liên hệ với cơ quan chức năng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Buộc bà Nguyễn Thị Việt H2, ông Ngô Phát Đ2 thanh toán phần chuyển nhượng dư ra so với phần được hưởng cho ông Th, bà Đ, các thừa kế của bà Ngô Thị S, ông Ngô Văn B bằng 199.722.200đồng.

Ông Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ, các thừa kế của bà Ngô Thị S, các thừa kế của ông Ngô Văn B được nhận thừa kế toàn bộ khu đất còn lại tại thửa 27A (mới) tương ứng 4.872,6m² đất vườn (kèm theo hồ sơ trích đo địa chính Kèm theo hồ sơ trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 15/4/2010). Trong đó mỗi đồng thừa kế được chia 1/4 diện tích, vị trí cụ thể của từng kỹ phần được nhận do các đương sự tự thỏa thuận. Buộc gia đình ông Ngô Văn C, ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2, ông Nguyễn Minh Tr, bà Diệp Ng, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1, ông Trần Văn Đ3, bà Huỳnh Thị M5, có trách nhiệm giao phần đất trên cho các nguyên đơn.

Phần đất được hưởng của các thừa kế nào bị quy hoạch theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền thì họ được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của nhà nước.

Buộc ông C, bà V, bà H2, ông Đ2 tháo dỡ toàn bộ các dãy nhà trọ, vật kiến trúc trên đất để giao đất cho các thừa kế. Cây trồng trên đất còn lại thực tế, các nguyên đơn. Cây trồng trên đất còn lại thực tế, Các nguyên đơn trả lại giá trị cây trồng trên đất theo giá nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án và buộc nguyên đơn trả lại cho bà H2 giá trị san lấp mặt bằng 280m³ bằng 28.000.000đồng. Số tiền ông Đ2, bà H2 phải trả cho nguyên đơn và người lại sẽ được trừ trong giai đoạn thi hành án.

Phần đất sử dụng đi lại thuộc quyền sử dụng của các thừa kế Th, Đ, các thừa kế của ông B, bà S. Các hộ dân lân cận, liền kề sử dụng đất tạm thời khi có yêu cầu của các thừa kế thì đương sự phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận số 344/XN.ĐĐ.94 ngày 14/3/1994 xác nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn C.

Hủy bỏ “Giấy giao quyền sử dụng đất cho con” lập ngày 13/02/2000 của ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Cẩm V.

2/ Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Văn C - bà Trần Thị Cẩm V với các đương sự Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1, cụ thể:

Ông Nguyễn Minh Tr 428,2m² theo hợp đồng ngày 01/3/1994.

Bà Diệp Ng 857,8m² theo hợp đồng ngày 03/3/1994.

Bà Nguyễn Thị Hồng H3 437,7m² theo hợp đồng ngày 02/3/1994.

Bà Phan Thị Ngọc V1 1.251m² theo hợp đồng ngày 28/02/1994.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 với ông Trần Văn Đ3 80m² theo hợp đồng ngày 26/02/2001; với ông Võ Văn Q2 và bà Huỳnh Thị M5 279m² theo hợp đồng ngày 09/10/2007.

Bác yêu cầu ổn định việc sử dụng đất của các đương sự Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1, Trần Văn Đ3, Huỳnh Thị M5, Võ Văn Q2.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận quyền sử dụng đất do Chi cục quản lý đất đai tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho các đương sự Nguyễn Minh Tr giấy số 471/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994, Nguyễn Thị Hồng H3

– Lưu Thanh L5 giấy số 473/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994, Phan Thị Ngọc V1 giấy số 470/XN.ĐĐ.94, Diệp Ng – Nguyễn Ngọc H12 giấy số 474/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994 để cấp lại cho các thừa kế một phần theo quyết định của bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Phần còn lại của các đương sự đã chuyển nhượng không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

Phần đất của ông Ngô Văn C chuyển nhượng cho ông Trần Bình M3 theo hợp đồng chuyển nhượng, bán kết quả lao động và đầu tư lập ngày 02/3/1994” không giải quyết trong vụ án này vì không liên quan đến chia thừa kế.

Buộc ông C, bà V hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho:

Ông Nguyễn Minh Tr: 21,49 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền: 260.893.865 đồng.

Bà Diệp Ng: 43,05 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền: 522.875.544 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng H3: 21,97 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền 266.876.838 đồng.

Bà Phan Thị Ngọc V1: 62,79 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền 762.375.751 đồng.

Buộc ông Ngô Phát Đ2 và bà Nguyễn Thị Việt H2 hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho: Ông Trần Văn Đ3 số tiền 59.200.000đồng; Bà Huỳnh Thị M5 và ông Võ Văn Q2 số tiền 201.200.000đồng.

Kể từ ngày các thừa kế - nguyên đơn và các đương sự Tr, Ng, H3, Ngọc V1, ông Đ3, bà M5 có đơn yêu cầu thi hành án (khi án có hiệu lực) nếu ông C, bà V, bà H2, ông Đ2 chưa thanh toán số tiền nêu trên thì các đương sự còn phải trả lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành.

3/ Tranh chấp giữa các hộ Nguyễn Văn Đ4, Huỳnh Thanh L1, Lê Văn E, Lê Xuân T6, Nguyễn Việt D1, Nguyễn Văn E1 với gia đình Ngô Phát Đ2 và bà Nguyễn Thị Việt H2 đôi với số tiền được bồi hoàn về đất thuộc trạm bơm nước thải Rạch ngỗng sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí định giá, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện của ông C, bà V và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm số 145/2012/DSPT ngày 18/4/2012 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Tp.HCM đã tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 15/6/2012 ông Ngô Phát Đ2 có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm; ngày 25/7/2012 ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Cẩm V có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 131/2013/DS-GĐT ngày 27/9/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 145/2012/DSPT ngày 18/4/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý lại vào ngày 28/3/2014 để xét xử sơ thẩm thì các đương sự trình bày như sau:

Phía nguyên đơn có ông Ngô Bửu T trình bày: Do vụ án có tính chất phức tạp, đã kéo dài nhiều năm nên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế 7.040m² đất là di sản của Ông Kh1, bà H10 để lại. Đối với phần đất 4.350m² nguyên đơn sẽ yêu cầu trong vụ án khác.

Phía bị đơn có ông Ngô Phát Đ2 trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bởi lẽ vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án theo luật định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lê Phú C2: Ông Có mua đất của vợ chồng ông Đ2, bà H2 và đã cất nhà ở trên đất nên ông đề nghị được ổn định trên phần đất đã mua.

Ông Nguyễn Minh Tr, bà Phạm Ngọc V1, ông Trần Bình M3: Đất ông bà nhận chuyển nhượng là hợp pháp, và yêu khởi kiện của nguyên đơn đã hết nên đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Tô Văn D đại diện cho các thừa kế của nguyên đơn bà Ngô Thị Đ (chết) cũng rút lại một phần khởi kiện như ông T trình bày, chỉ yêu cầu chia phần di sản thừa kế 7.040m². Đối với phần đất 4.350m² nguyên đơn sẽ yêu cầu trong vụ án khác.

Các đương sự còn lại vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế của các thừa kế của ông Ngô Văn Th, bà Ngô Thị Đ; Ngô Văn B, Ngô Thị S.

1/ Công nhận di sản để lại của ông Ngô Văn Kh1 và bà Dương Thị H10 là quyền sử dụng đất 7.040m² đất vườn thuộc thửa 27A (Thửa cũ: 554-555), tờ bản đồ số 44. Đất Tọa lạc tại số 2/21, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều do gia đình ông Ngô Văn C, Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 quản lý.

Chia diện tích 7.040m² là 06 phần, mỗi phần tương ứng 941,43m² và số tiền bồi thường quy hoạch trạm bơm Rạch Ngõng diện tích 1.391,4m² với số tiền là 825.827.839 đồng, mỗi kỹ phần là 137.637.973 đồng cho các thừa kế hàng thứ nhất của Ông Kh1, bà H10: các thừa kế của Ngô Văn Th (chết), Ngô Thị Đ (chết), Ngô Văn C (chết), Ngô Văn B (chết); bà Ngô Thị S (chết) và ông Ngô Văn Th5 (chết). Giao kỹ phần được hưởng của ông Ngô Văn Th5 cho ông Ngô Bửu T (con ông Th) quản lý và giao lại khi các thừa kế của ông Th5 có yêu cầu.

Các thừa kế của Ngô Thị Đ do ông Tô Văn D đại diện nhận.

Các thừa kế của Ngô Văn Th do ông Ngô Bửu T nhận.

Các thừa kế của Ngô Thị S do ông Phan Thành N2 nhận.

Các thừa kế của Ông Ngô Văn B do ông Ngô Bửu Ng4 nhận.

Ông Ngô Văn Th5 tạm giao cho ông Ngô Bửu T nhận.

Đình chỉ yêu cầu của các nguyên đơn đối với phần đất 4.315m² do đương sự không Có yêu cầu.

Đất được phân chia như sau:

Công nhận và ổn định phần đất gia đình Ông C đã bán cho các ông bà: Lê Phú C2 70m², Phan Thị Tuyết M4 80m², Đặng Hoàng Ph3 90m², Châu Ngọc H4 204m², Trịnh Kim H5 255m² (bán lại cho ông Trịnh Ng1, chết 24/10/2012 có vợ là Đỗ Thị Lệ Q3, con gái là Trịnh Ái L6), các thừa kế của Lâm Phước K là vợ Lê Thị N1 và các con là Lâm Phước T5, Lâm Ngọc Th6 77m²). Tổng cộng: 776m².

Buộc ông Ngô Phát Đ2 phải có nghĩa vụ trả cho các thừa kế hàng thừa nhất của Ông Kh1, bà H10: Các thừa kế ông Ngô Văn Th (chết), bà Ngô Thị Đ (chết), ông Ngô Văn B (chết), Ngô Thị S (chết) và ông Ngô Văn Th5 (chết) số tiền bồi thường trạm bơm Rạch Ngõng, mỗi kỹ phần là 137.637.973 đồng.

Các thừa kế của ông Ngô Văn Th (chết), bà Ngô Thị Đ (chết), Ngô Văn B (chết), bà Ngô Thị S (chết) và ông Ngô Văn Th5 (chết) được nhận thừa kế toàn bộ khu đất còn lại tại thửa 27A (mới) tương ứng 4.872.6m² (Kèm theo hồ sơ trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 15/4/2010). Trong đó mỗi đồng thừa kế được chia 1/5 diện tích, vị trí cụ thể của từng kỹ phần được nhận do các đương sự tự thỏa thuận. Buộc ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10 (thừa

kế của bà Diệp Ng), bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1, ông Trần Văn Đ3, bà Huỳnh Thị M5, có trách nhiệm tháo dỡ vật kiến trúc trên đất để trả lại để giao trả phần đất trên cho các nguyên đơn. Các nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại giá trị các cây trồng trên đất theo giá nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án và buộc nguyên đơn trả cho bà H2 số tiền 28.000.000 đồng tương đương 280m³ cát san lấp mặt bằng.

Phần đất sử dụng đi lại thuộc quyền sử dụng của các thừa kế ông Th (chết), Đ (chết), ông B (chết), bà S (chết). Các hộ dân lân cận, liền kề sử dụng đất tạm thời khi có yêu cầu của các thừa kế thì đương sự phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận số 344/XN.ĐĐ.94 ngày 14/3/1994 xác nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn C.

Hủy bỏ “Giấy giao quyền sử dụng đất cho con” lập ngày 13/02/2000 của ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Cẩm V.

2/ Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Văn C - bà Trần Thị Cẩm V với các đương sự Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1, cụ thể:

Ông Nguyễn Minh Tr 428,2m² theo hợp đồng ngày 01/3/1994.

Bà Diệp Ng 857,8m² theo hợp đồng ngày 03/3/1994.

Bà Nguyễn Thị Hồng H3 437,7m² theo hợp đồng ngày 02/3/1994.

Bà Phan Thị Ngọc V1 1.251m² theo hợp đồng ngày 28/02/1994.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 với ông Trần Văn Đ3 80m² theo hợp đồng ngày 26/02/2001; với ông Võ Văn Q2 và bà Huỳnh Thị M5 279m² theo hợp đồng ngày 09/10/2007.

Bác yêu cầu ổn định việc sử dụng đất của các đương sự Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1, Trần Văn Đ3, Huỳnh Thị M5, ông Võ Văn Q2.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận quyền sử dụng đất do Chi cục quản lý đất đai tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho các đương sự Nguyễn Minh Tr giấy số 471/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994, Nguyễn Thị Hồng H3 – Lưu Thanh L5 giấy số 473/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994, Phan Thị Ngọc V1 giấy số 470/XN.ĐĐ.94, Diệp Ng – Nguyễn Ngọc H12 giấy số 474/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994 để cấp lại cho các thừa kế một phần đúng quy định của pháp luật.

Phần còn lại của các đương sự đã chuyển nhượng không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

Phần đất của ông Ngô Văn C chuyển nhượng cho ông Trần Bình M3 theo hợp đồng chuyển nhượng, bán kết quả lao động và đầu tư lập ngày 02/3/1994 không giải quyết trong vụ án này vì không liên quan đến chia thừa kế.

Buộc ông Ngô Phát Đ2 hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho:

Ông Nguyễn Minh Tr: 21,49chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền: 260.893.865đồng; Bà Diệp Ng: 43,05chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền: 522.875.544đồng; Bà Nguyễn Thị Hồng H3: 21,97chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền 266.876.838đồng; Bà Phan Thị Ngọc V1: 62,79chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền 762.375.751đồng.

Buộc ông Ngô Phát Đ2 và bà Nguyễn Thị Việt H2 hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn Đ3 số tiền 59.200.000đồng.

Nếu các bên có tranh chấp về mức đền bù do thay đổi về giá vàng và giá đất thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

Tranh chấp giữa các hộ Nguyễn Văn Đ4, Huỳnh Thanh L1, Lê Văn E, Lê Xuân T6, Nguyễn Việt D1, Nguyễn Văn E1 với gia đình Ngô Phát Đ2 và bà Nguyễn Thị Việt H2 đối với số tiền được bồi hoàn về đất thuộc trạm bơm nước thải Rạch Ngỗng sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục chung.

Ghi nhận việc nguyên đơn chịu chi phí di lý ông Ngô Phát Đ2 từ trại giam Xuân Lộc về Cần Thơ tham gia tố tụng trong vụ án là 4.157.500đồng. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

Về chi phí đo đạc thẩm định: Chi phí thẩm định, định giá 02 lần đầu là 8.000.000đồng. Chi phí đo đạc lần 3 là 1.630.000đồng. Nguyên đơn bị đơn mỗi bên chịu ½ bằng 4.815.000đồng. Bị đơn trả lại nguyên đơn số tiền trên. Nguyên đơn còn được nhận lại 870.000đồng tiền còn lại tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các thừa kế của bà Ngô Thị Đ, ông Ngô Văn Th, bà Ngô Thị S, ông Ngô Văn B, ông Ngô Văn Th5, Ngô Văn C mỗi bên phải chịu là 19.261.703đồng.

Các thừa kế của Ngô Thị Đ do ông Tô Văn D đại diện nộp. Được trừ tiền tạm ứng án phí 50.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 004561 ngày 13/12/2004 của Phòng Thi hành án thành phố Cần Thơ, ông D đại diện cho các thừa kế của bà Đ nộp 19.211.703đồng.

Các thừa kế của Ngô Văn Th, Ngô Văn Th5 do ông Ngô Bửu T nộp. Được trừ tiền tạm ứng án phí 50.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 004562 ngày 13/12/2004 của Phòng Thi hành án thành phố Cần Thơ, ông T đại diện cho các thừa kế của ông Th, ông Th5 nộp 38.473.406đồng.

Các thừa kế của bà Ngô Thị S do ông Phan Thành N2 nộp

Các thừa kế của ông Ngô Văn B do ông Ngô Bửu Ng4 nộp

Các thừa kế của ông Ngô Văn C do ông Ngô Phát Đ2 đại diện nộp

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, chi phí thẩm định, đo đạc, định giá và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 10/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ có Quyết định kháng nghị số 13/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị phúc xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm vì những lý do sau:

Ông Th5 đã từ chối nhận di sản thừa kế, Toà án cấp sơ thẩm chia cho ông được hưởng một kỷ phần là chưa đúng ý nguyện của ông.

Ông C là người có công sức bảo quản, quản lý di sản thừa kế Toà sơ thẩm không Cho ông được hưởng phần công sức này là chưa thoả đáng.

Cấp sơ thẩm buộc ông Đ2 bồi thường thiệt hại do huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữ ông C, bà V (là cha mẹ ông Đ2) với các ông bà Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Diệp Th10, Trần Bình M3, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1 là chưa thoả đáng, vì ông Đ2 không phải là người có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ kế thừa của (ông C, bà V).

Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ2, bà H2 với ông Q2, bà M5 là vô hiệu, nhưng không giải quyết việc hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho ông Q2, bà M5.

Ngày 09/6/2021, Ông Danh Lý Kh (Đại diện ông Ngô Bửu T là con ông Ngô Văn Th) làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Ông Ngô Văn Th5 đã khước từ thừa kế, nên đề nghị chia kỷ phần của ông Th5 cho những người thừa kế khác.

Ngày 16/6/2021, ông Ngô Phát Đ2 làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thoả đáng, đề nghị bác đơn kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/6/2021, các ông bà Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Diệp Th10, Trần Bình M3, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1 làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Các ông bà đã sử dụng đất ổn định, yêu cầu được công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều nội dung ở phần quyết định chưa phù hợp, nên đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ, sửa bản án sơ thẩm như nội dung kháng nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa nghe đương sự trình bày, nghe luật sư và Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của ông Danh Lý Kh, ông Ngô Phát Đ2, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10, ông Trần Bình M3, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1 và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ đều làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo thì thấy:*

[2.1] Cụ Ngô Văn Kh1 (chết năm 1947) và cụ Dương Thị H10 (chết năm 1935) có 06 người con gồm:

Ông Ngô Văn B (chết năm 1946) có 4 người con.

Bà Ngô Thị S (chết năm 1990) có 6 người con.

Ông Ngô Văn Th (chết năm 2013) có 12 người con.

Bà Ngô Thị Đ (chết năm 2010) có 3 người con.

Ông Ngô Văn Th5 (chết tại Hoa Kỳ)

Ông Ngô Văn C (chết năm 2015) có 6 người con.

Các bên đương sự đều thống nhất di sản cụ Kh1, cụ H10 để lại gồm 11.355m² đất vườn và thổ cư, tại thửa 27A (thửa cũ là 554-555), tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại 2/21 đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và tranh chấp thừa kế yêu cầu chia theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/9/2017 phía nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 7.040m², còn lại phần đất 4.350m² nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp,

đương sự có quyền khởi kiện đối với 4.350m² đất nêu trên khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Trong phần diện tích đất tranh chấp 7.040m² có diện tích 1.391,4m² bị quy hoạch làm trạm bơm nước thải, nên diện tích chỉ còn lại 5.648,6m². Phía gia đình Ông C do ông Đ2 đã đứng ra nhận bồi thường đối với diện tích 1.391,4m² với số tiền hai lần nhận là: 532.856.961đồng + 336.478.968đồng = 869.335.929đồng. Như vậy di sản thừa kế đang tranh chấp là diện tích đất 5.648,6m² và diện tích đất 1.391,4m² (tương đương số tiền 869.335.929đồng).

Trong số 6 người con của cụ Kh1 và cụ H10 thì có ông Ngô Văn Th5 làm văn bản khước từ nhận di sản thừa kế, do đó di sản thừa kế sẽ được chia cho 5 người được hưởng gồm: Ông B, bà S, ông Th, bà Đ, ông C. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho 6 phần là chưa phù hợp, do đó kháng cáo của ông Danh Lý Kh và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ về phần này là có cơ sở chấp nhận, nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần này.

[2.2] Do ông B, bà S, ông Th, bà Đ, Ông C đều đã chết nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao suất thừa kế cho những người thừa kế của họ được nhận là có căn cứ hợp pháp.

[2.3] Ông C là người có công sức bảo quản, tôn tạo nên phải được nhận thêm một phần của suất thừa kế theo luật định, Tòa án cấp sơ thẩm không xét phần công sức của Ông C là chưa phù hợp, do đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phát Đ2 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ về phần này, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần này như sau:

$$\text{Diện tích } 5.648,6\text{m}^2 - (200\text{m}^2 \text{ công sức cho ông C}) = 5.448,6\text{m}^2$$

Diện tích 5.448,6m² : (chia cho 5 người con gồm: Ông B, bà S, ông Th, bà Đ, ông C) = mỗi người được hưởng diện tích 1.089,72m².

[2.4] Phần Ông C được hưởng 200m² + 1.089,72m² = 1.289,72m². Phần diện tích 1.289,72m² – 776m² (là diện tích phía Ông C đã bán cho các ông bà gồm: Lê Phú C2 70m², Phan Thị Tuyết M4 80m², Đặng Hoàng Ph3 90m², Châu Ngọc H4 204m², Trịnh Kim H5 255m² (bán lại cho ông Trịnh Ng1, chết 2012 có vợ Đỗ Thị Lệ Q3, con Trịnh Ái L6), Lâm Phước K 77m² (chết 2014, có vợ Lê Thị N1, 2 con Lâm Phước T5, Lâm Ngọc Th6). Tổng cộng diện tích bán là 776m²) = 513,72m² (Tương đương số tiền 513,72m² x 263.000đồng = 135.108.360đồng).

Do phía Ông C đã nhận bồi hoàn diện tích 1.391,4m² với số tiền 869.335.939đồng – số tiền 135.108.360đồng được hưởng = 734.245.579đồng.

Như vậy, số tiền là di sản thừa kế còn lại sẽ là 734.245.579 đồng : 5 = 146.849.115 đồng. Phía Ông C phải có nghĩa vụ trả lại cho phía ông B, bà S, ông Th, bà Đ mỗi phần số tiền 146.849.115 đồng.

[2.5] Theo lời khai của các bên đương sự và theo hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng ông C, bà V hiện đã chết, khi còn sống Ông C có chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Minh Tr, bà Diệp Ng, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên do vô hiệu và buộc bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Tuy nhiên, việc buộc ông Đ2 có nghĩa vụ bồi thường là chưa đúng với khoản 1, khoản 2 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại”

Trường hợp này cần buộc những người thừa kế của vợ chồng ông C, bà V có trách nhiệm bồi thường theo quy định, những người thừa kế gồm: Ông Ngô Sỹ H1 (chết 2009, ông H1 có hai con Ngô Sỹ Ph1, Ngô Quang T3), ông Ngô Anh T4, ông Ngô Phát Đ2, ông Ngô Phú Q1, bà Ngô Thị Cẩm L, bà Ngô Thị Cẩm Nh. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng VKSND Thành phố Cần Thơ về phần này là có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 có hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông Võ Văn Q2, bà Huỳnh Thị M5. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên do vô hiệu là phù hợp, cấp sơ thẩm xác định việc bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu gồm: Ông Đ2 và bà H2 phải trả số tiền 143.000.000 đồng và bồi thường 60% (tương đương số tiền 58.200.000 đồng) cho bà M5 và ông Q2. Tuy nhiên, ở phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên buộc ông Đ2 và bà H2 có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường số tiền trên cho ông Q2 và bà M5 là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND Thành phố Cần Thơ về phần này.

[2.7] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10, ông Trần Bình M3, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1 cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông C, bà V là hợp pháp. Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 30 Luật Đất đai năm 1993 quy định: *“Không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản thừa kế chưa chia, đất đang có tranh chấp”*

Do đó, tại thời điểm chuyển nhượng thì đất trên đang có tranh chấp, nên việc chuyển nhượng thuộc trường hợp vi phạm điều cấm của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng do vô hiệu và giải quyết bồi thường là phù hợp, nên không Có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Các bên đương sự chịu án phí trên phần giá trị di sản thừa kế được hưởng theo luật định, vụ án thụ lý tại thời điểm Pháp lệnh về lệ phí, án phí năm 2009 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng quy định cụ thể sau:

“Giá trị tài sản từ trên 400.000.000đồng đến 800.000.000đồng, thì mức án phí là 20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng”. Cụ thể:

Phía các ông bà Ngô Văn B, Ngô Thị S, Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ mỗi người hưởng diện tích $1.089,72m^2 \times 263.000đồng = 286.596.360đồng + 146.849.115đồng$ (số tiền 1/5 giá trị đất bồi thường được hưởng từ $1.391,4m^2$ làm trạm bơm do phía Ông C hoàn lại) = 433.445.475đồng. Mức án phí là $20.000.000đồng + (4\% \times 33.445.475đồng) = 21.337.819đồng$.

Phía ông Ngô Văn C hưởng diện tích $1.289,72m^2 \times 263.000đồng = 339.196.360đồng + 146.849.115đồng$ (số tiền 1/5 giá trị đất bồi thường được từ $1.391,4m^2$ làm trạm bơm) = 486.045.475đồng. Mức án phí là $20.000.000đồng + (4\% \times 86.045.475đồng) = 23.441.810đồng$.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10, ông Trần Bình M3, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1 phải chịu án phí DSPT theo luật định.

Ông Nguyễn Minh Tr, ông Trần Bình M3, bà Phan Thị Ngọc V1 là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí DSPT.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không Có kháng cáo không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bồi các lẽ trên; Căn cứ Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ, chấp nhận kháng cáo của ông Danh Lý Kh và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Phát Đ2.

Không Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10, ông Trần Bình M3, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 37, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 650, Điều 651 Bộ Luật Dân sự 2015; Áp dụng khoản 3 Điều 30 Luật đất đai 1993; Áp dụng Nghị quyết 02/2004/NQ HĐTP ngày 10/8/2004; Áp dụng Pháp lệnh lệ phí, án phí năm 2009 của Quốc hội; Áp dụng Nghị quyết về lệ phí án phí năm 2017 của Quốc hội; Áp dụng Án lệ số 06/2016/AL.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi chia di sản thừa kế của các thừa kế của phía nguyên đơn.

2/ Công nhận di sản thừa kế để lại của ông Ngô Văn Kh1 và bà Dương Thị H10 là quyền sử dụng đất 7.040m² đất vườn thuộc thửa 27A (Thửa cũ: 554-555), tờ bản đồ số 44. Đất Tọa lạc tại số 2/21 Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều do gia đình ông Ngô Văn C, Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 quản lý. Trong đó có 1.391,4m² bị quy hoạch làm trạm bơm được bồi thường số tiền 825.827.839đồng do phía Ông C nhận.

3/ Những người được hưởng thừa kế của cụ Kh1, cụ H10 là những người thừa kế của các ông bà Ngô Văn B, Ngô Thị S, Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ, Ngô Văn C.

4/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn Th5 khước từ không nhận di sản thừa kế.

5/ Chia diện tích 7.040m² gồm: (5.648,6m² + giá trị 1.391,4m²) như sau:

Phía ông Ngô Văn B, phía bà Ngô Thị S, phía ông Ngô Văn Th, phía bà Ngô Thị Đ mỗi phần tương ứng 1.089,72m² và giá trị tiền bồi thường đất quy hoạch trạm bơm Rạch Ngỗng diện tích 1.391,4m² với số tiền là 825.827.839đồng, chia 5 phần, mỗi kỹ phần là 146.849.115đồng.

Các thừa kế của ông Ngô Văn B do ông Ngô Bửu Ng4 nhận; Các thừa kế của bà Ngô Thị S do ông Phan Thành N2 nhận; Các thừa kế của ông Ngô Văn Th do ông Ngô Bửu T nhận; Các thừa kế của bà Ngô Thị Đ do ông Tô Văn D đại diện nhận.

Phía ông Ngô Văn C được hưởng phần diện tích 1.089,72m² + 200m² công sức = 1.289,72m² và giá trị tiền bồi thường quy hoạch trạm bơm Rạch Ngỗng diện

tích 1.391,4m² với số tiền là 825.827.839đồng, chia 5 phần, mỗi kỹ phần là 146.849.115đồng.

Những người thừa kế của Ông C gồm: Ông Ngô Phát Đ2, ông Ngô Sỹ H1 (chết 2009, ông H1 có hai con Ngô Sỹ Ph1, Ngô Quang T3), ông Ngô Anh T4, ông Ngô Phú Q1, bà Ngô Thị Cẩm L, bà Ngô Thị Cẩm Nh.

Đất được phân chia cụ thể như sau: Công nhận và ổn định phần đất gia đình Ông C đã bán cho các ông bà: Lê Phú C2 70m², Phan Thị Tuyết M4 80m², Đặng Hoàng Ph3 90m², Châu Ngọc H4 204m², Trịnh Kim H5 255m² (bán lại cho ông Trịnh Ng1, chết 24/10/2012 có vợ là Đỗ Thị Lệ Q3, con gái là Trịnh Ái L6), các thừa kế của Lâm Phước K là vợ Lê Thị N1 và các con là Lâm Phước T5, Lâm Ngọc Th6 77m²). Tổng cộng: 776m².

Những người thừa kế của ông Ngô Văn C, bà Trần Thị Cẩm V gồm: Ông Ngô Phát Đ2, ông Ngô Sỹ H1 (chết 2009, ông H1 có hai con Ngô Sỹ Ph1, Ngô Quang T3), ông Ngô Anh T4, ông Ngô Phú Q1, bà Ngô Thị Cẩm L, bà Ngô Thị Cẩm Nh, phải có nghĩa vụ trả cho các thừa kế của cụ Kh1, cụ H10 gồm: Các thừa kế của các ông bà Ngô Văn B, Ngô Thị S, Ngô Văn Th (chết), Ngô Thị Đ (chết), số tiền 146.849.115đồng.

Các thừa kế của ông Ngô Văn B (chết), bà Ngô Thị S (chết), Ngô Văn Th (chết), bà Ngô Thị Đ (chết) được nhận thừa kế toàn bộ khu đất còn lại tại thửa 27A (mới) tương ứng 4.872.6m² (Kèm theo hồ sơ trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 15/4/2010).

Trong đó mỗi đồng thừa kế được chia 1/4 diện tích, vị trí cụ thể của từng kỹ phần được nhận do các đương sự tự thỏa thuận.

Buộc ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10 (thừa kế của bà Diệp Ng), bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1, ông Trần Văn Đ3, bà Huỳnh Thị M5, có trách nhiệm tháo dỡ vật kiến trúc trên đất để giao trả phần đất trên cho các nguyên đơn.

Các nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại giá trị các cây trồng trên đất theo giá nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án và buộc nguyên đơn trả cho bà H2 số tiền 28.000.000đồng tương đương 280m³ cát san lấp mặt bằng.

Phần đất sử dụng đi lại thuộc quyền sử dụng của các thừa kế ông Th (chết), Đ (chết), ông B (chết), bà S (chết). Các hộ dân lân cận, liền kề sử dụng đất tạm thời khi có yêu cầu của các thừa kế thì đương sự phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

6/ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận số 344/XN.ĐĐ.94 ngày 14/3/1994 xác nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn C.

7/ Hủy bỏ “Giấy giao quyền sử dụng đất cho con” lập ngày 13/02/2000 của ông Ngô Văn C và bà Trần Thị Cẩm V.

8/ Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Văn C, bà Trần Thị Cẩm V với ông Nguyễn Minh Tr, bà Diệp Ng, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1, cụ thể:

Ông Nguyễn Minh Tr 428,2m² theo hợp đồng ngày 01/3/1994.

Bà Diệp Ng 857,8m² theo hợp đồng ngày 03/3/1994.

Bà Nguyễn Thị Hồng H3 437,7m² theo hợp đồng ngày 02/3/1994.

Bà Phan Thị Ngọc V1 1.251m² theo hợp đồng ngày 28/02/1994.

Những người thừa kế của ông C, bà V gồm: Ông Ngô Phát Đ2, ông Ngô Sỹ H1 (chết 2009, ông H1 có hai con Ngô Sỹ Ph1, Ngô Quang T3), ông Ngô Anh T4, ông Ngô Phú Q1, bà Ngô Thị Cẩm L, bà Ngô Thị Cẩm Nh, hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho:

Ông Nguyễn Minh Tr: 21,49 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền: 260.893.865đồng.

Bà Diệp Ng: 43,05 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền: 522.875.544đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng H3: 21,97 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền 266.876.838đồng.

Bà Phan Thị Ngọc V1: 62,79 chỉ vàng 24k loại 99% và bồi thường thiệt hại số tiền 762.375.751đồng.

9/ Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Ngô Phát Đ2, bà Nguyễn Thị Việt H2 với ông Trần Văn Đ3 80m² theo hợp đồng ngày 26/02/2001; với ông Võ Văn Q2 và bà Huỳnh Thị M5 279m² theo hợp đồng ngày 09/10/2007.

Ông Ngô Phát Đ2 và bà Nguyễn Thị Việt H2 hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn Đ3 số tiền 59.200.000đồng và hoàn trả cho ông Võ Văn Q2 và bà Huỳnh Thị M5 số tiền 143.000.000đồng, bồi thường thiệt hại số tiền 58.200.000đồng.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bác yêu cầu ổn định việc sử dụng đất của các đương sự Nguyễn Minh Tr, Diệp Ng, Nguyễn Thị Hồng H3, Phan Thị Ngọc V1, Trần Văn Đ3, Huỳnh Thị M5, ông Võ Văn Q2.

10/ Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận quyền sử dụng đất do Chi cục quản lý đất đai tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho các đương sự Nguyễn Minh Tr giấy số 471/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994, Nguyễn Thị Hồng H3 – Lưu Thanh L5 giấy số 473/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994, Phan Thị Ngọc V1 giấy số 470/XN.ĐĐ.94, Diệp Ng – Nguyễn Ngọc H12 giấy số 474/XN.ĐĐ.94 ngày 06/4/1994 để cấp lại cho các thừa kế một phần đúng quy định của pháp luật. Phần còn lại của các đương sự đã chuyển nhượng không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

11/ Phần đất của ông Ngô Văn C chuyển nhượng cho ông Trần Bình M3 theo hợp đồng chuyển nhượng, bán kết quả lao động và đầu tư lập ngày 02/3/1994 không giải quyết trong vụ án này vì không liên quan đến chia thừa kế.

12/ Tranh chấp giữa các hộ Nguyễn Văn Đ4, Huỳnh Thanh L1, Lê Văn E, Lê Xuân T6, Nguyễn Việt D1, Nguyễn Văn E1 với gia đình Ngô Phát Đ2 và bà Nguyễn Thị Việt H2 đối với số tiền được bồi hoàn về đất thuộc trạm bơm nước thải Rạch Ngõng sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục chung.

13/ Về chi phí đo đạc thẩm định: Chi phí thẩm định, định giá 02 lần đầu là 8.000.000 đồng. Chi phí đo đạc lần 3 là 1.630.000 đồng. Nguyên đơn bị đơn mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ bằng 4.815.000 đồng. Bị đơn trả lại nguyên đơn số tiền trên, nên nguyên đơn còn được nhận lại 870.000 đồng tiền còn lại tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Ghi nhận việc nguyên đơn chịu chi phí di lý ông Ngô Phát Đ2 từ trại giam Xuân Lộc về Cần Thơ tham gia tố tụng trong vụ án là 4.157.500 đồng, phía nguyên đơn đã thực hiện xong.

14/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Phía các ông bà Ngô Văn B, Ngô Thị S, Ngô Văn Th, Ngô Thị Đ mỗi người chịu số tiền 21.337.819 đồng.

Các thừa kế của bà Ngô Thị Đ do ông Tô Văn D đại diện nộp, được khấu trừ số tiền 50.000 đồng tạm ứng án phí DSST, theo Biên lai thu số 004561 ngày 13/12/2004 của Phòng Thi hành án thành phố Cần Thơ, nên còn phải nộp tiếp số tiền 21.287.819 đồng.

Các thừa kế của ông Ngô Văn Th do ông Ngô Bửu T đại diện nộp, được khấu trừ số tiền 50.000 đồng tạm ứng án phí DSST, theo Biên lai thu số 004562 ngày 13/12/2004 của Phòng Thi hành án thành phố Cần Thơ, nên còn phải nộp tiếp số tiền 21.287.819 đồng.

Các thừa kế của bà Ngô Thị S do ông Phan Thành N2 đại diện nộp.
Các thừa kế của ông Ngô Văn B do ông Ngô Bửu Ng4 đại diện nộp.

Phía ông Ngô Văn C chịu số tiền 23.441.810đồng. Các thừa kế của ông Ngô Văn C, bà Trần Thị Cẩm V, có ông Ngô Phát Đ2, ông Ngô Sỹ H1 (chết 2009, ông H1 có hai con Ngô Sỹ Ph1, Ngô Quang T3), ông Ngô Anh T4, , ông Ngô Phú Q1, bà Ngô Thị Cẩm L, bà Ngô Thị Cẩm Nh nộp.

15/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

15.1. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Diệp Th10, ông Trần Bình M3, bà Nguyễn Thị Hồng H3, bà Phan Thị Ngọc V1 phải chịu án phí DSPT số tiền 300.000đồng.

Ông Nguyễn Minh Tr, ông Trần Bình M3, bà Phan Thị Ngọc V1 là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí DSPT. Hoàn trả lại cho ông Tr, ông M3, bà V1 mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2019/000342 ngày 30/6/2021, số AA/2019/000344 ngày 30/6/2021 và số AA/2019/000338 ngày 29/6/2021 đều của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Diệp Th10, bà Nguyễn Thị Hồng H3 được khấu trừ mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2019/000339 ngày 29/6/2021 và số AA/2019/000343 ngày 30/6/2021 đều của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ. Các ông, bà Th10, H3 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

15.2. Ông Ngô Phát Đ2, ông Ngô Bửu T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đ2, ông T (do ông Danh Lý Kh nộp) mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2019/000348 ngày 02/7/2021 và số 0000027 ngày 22/10/2021 đều của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

16/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không Có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

17/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cần Thơ.
- Tòa án nhân dân Tp.Cần Thơ.
- Cục Thi hành án dân sự Tp.Cần Thơ.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN